

Bản án số: 59 /2024/DS-PT

Ngày: 25/4/2024

Về: Tranh chấp
quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Quý My.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và bà Nguyễn Thị Thủy.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thủy Ngân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2023/TLPT - DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2023/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/QĐPT - DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1967, có mặt.

Nơi cư trú: Xóm N, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1987, có mặt.

Nơi cư trú: Xóm N, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lý Thị B, sinh năm 1970 (vợ ông T), có mặt.

Nơi cư trú: Xóm N, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1965, (mẹ chị H), có mặt.

Nơi cư trú: Xóm N, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Ông Đỗ Xuân T1, sinh năm 1960, (Trưởng xóm N), vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm N, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969, vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1961, có mặt.

Nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

4. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm N, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1948, có mặt.

Nơi cư trú: Xóm N, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

6. Ông Bùi Viết T4, sinh năm 1964, vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phạm Văn T trình bày: Ông là cậu ruột của chị Dương Thị H, là em ruột của mẹ chị H. Nguồn gốc thửa đất số 102 tờ bản đồ số 43 xã H, huyện Đ trong đó có hai vị trí diện tích đất đang có tranh chấp tại thửa 102 này giữa ông và chị Dương Thị H là của bố mẹ ông khai phá từ những năm 1960, sau đó cho ông canh tác một phần diện tích tại thửa 102 này từ trước năm 1990 cho đến nay, ngoài ra không có ai khác canh tác. Cụ thể đầu tiên gia đình ông canh tác trồng cây Bạch Đàn tại hai vị trí diện tích đất đang có tranh chấp tại thửa 102 tờ bản đồ số 43 xã H, huyện Đ, sau này thì trồng cây K và đến năm 2022 thu hoạch khai thác cây Keo thì chị H ra tranh chấp. Hiện nay theo kết quả đo đạc xác định được 02 vị trí diện tích đất nhà ông đang có tranh chấp với chị H nằm trong thửa đất 102 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Dương Thị H là cháu gọi ông bằng cậu có diện tích là 599,1m² đất. Diện tích đất này gia đình ông canh tác, sử dụng liên tục từ trước năm 1990 đến nay nhưng chưa kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2022 chị Dương Thị H nhận là đất của chị H thì nhà ông mới biết bị cấp nhầm vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà chị H và từ năm 2022 chị H đã tranh chấp với gia đình ông. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận QSD đất của chị H đã cấp vào cả phần diện tích đất của nhà ông đang sử dụng; yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng diện tích 599,1m² đất theo kết quả đo đạc đang tranh chấp với chị Dương Thị H tại thửa đất số 102 tờ bản đồ số 43 xã H cho nhà ông.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là chị Dương Thị H trình bày: Ông Phạm Văn T là cậu ruột của chị Dương Thị H, là em ruột của mẹ chị là bà Phạm Thị H1. Về nguồn gốc thửa đất số 102 tờ bản đồ số 43 xã H, huyện Đ, diện tích 2382m² do chị nhận chuyển nhượng của ông Bùi Viết T4 và bà Ngô Thị Thanh M vào tháng 9 năm 2017; đến tháng 01 năm 2022 thì được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất này trước kia là của ông ngoại chị là cụ Phạm Văn T5 khai phá rồi chuyển nhượng cho gia đình ông T4 từ năm 2006. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa 102 thì ông T4 cho bà Phạm Thị H2 làm khoán sản, sau khoảng 02 năm ông T4 lại cho ông T làm khoán sản, mỗi năm ông T phải trả cho ông T4 1.000.000 đồng. Năm 2017 vợ chồng ông T4 đã chuyển nhượng quyền sử dụng thửa 102 cho chị và mua lại toàn bộ số cây Keo trồng tại

thửa 102 bàn giao lại cho chị. Khi biết ông T4 làm thủ tục chuyển nhượng thửa 102 cho chị thì ông T đã đào rãnh hào tranh đất tại thửa 102 với chị; Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị đã cấp vào cả phần diện tích đất của nhà ông đang sử dụng; yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng 599,1m² đất theo kết quả đo đạc đang tranh chấp với chị tại thửa đất số 102 tờ bản đồ số 43 xã H cho nhà ông T thì chị không nhất trí, chị đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông T.

Ngày 03/7/2023 chị Dương Thị H nộp đơn phản tố đến Tòa án với nội dung đề nghị Tòa án xem xét tội vu khống của vợ chồng ông T; thông báo cho bà con ở xóm về quyền sử dụng, sở hữu của chị H đối với thửa đất 102 và thông báo cho cơ quan công an xem xét hành vi cướp tài sản của vợ chồng ông T đối với chị H. Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị B trình bày: Bà là vợ ông Phạm Văn T, bà kết hôn với ông T từ năm 1990 và canh tác liên tục 02 vị trí diện tích đất nhà ông bà đang có tranh chấp với chị H tại thửa đất 102 từ năm 1990 đến nay. Theo bà được biết thì nguồn gốc thửa đất số 102 tờ bản đồ số 43 xã H, huyện Đ trong đó có hai vị trí diện tích đất đang có tranh chấp tại thửa 102 này giữa nhà bà và chị Dương Thị H là của bố mẹ chồng bà khai phá từ những năm 1960, sau đó cho chồng bà canh tác một phần diện tích tại thửa 102 này từ trước năm 1990 cho đến nay. Nay bà Lý Thị B nhất trí với ý kiến, yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T chồng bà. Bà Lý Thị B đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của chồng bà; Còn bản thân bà không có yêu cầu đề nghị gì cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H1 trình bày: Bà là chị ruột ông Phạm Văn T và là mẹ của chị Dương Thị H. Gia đình bà sử dụng thửa đất 33 tờ bản đồ số 43 xã H, huyện Đ, diện tích 2382m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004 có nguồn gốc là của bố mẹ bà khai phá rồi tặng cho bà. Thửa đất số 33 nhà bà liền kề với thửa đất 102 của chị H con gái bà hiện ông T đang tranh chấp một phần thửa đất 102. Sau khi xem kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất thửa 102 thì một phần diện tích đất tranh chấp chồng lấn sang thửa 33 nhà bà diện tích 46,5m². Theo bà H1 ranh giới đất giữa hai thửa đã có bờ thửa ranh giới rõ ràng, không có sự tranh chấp, lấn chiếm đất của nhau. Nếu có sự chồng lấn là do sai số đo đạc, do vậy bà không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại bản khai có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng là ông Đỗ Xuân T1 trình bày: Ông sinh sống ở xóm N, xã H từ nhỏ, đến năm 1999 thì ông được bầu làm Trưởng xóm N từ đó đến nay. Về 02 vị trí diện tích đất tranh chấp giữa nhà ông T với chị H tại thửa đất số 102 thì ông được biết nguồn gốc trước kia là của bố mẹ ông T là cụ Phạm Văn T5 khai phá và canh tác, sau này ông thấy ông T canh tác cho đến nay, ngoài ra không có ai khác ngoài ông T canh tác 02 vị trí diện tích đất tranh chấp này. Ông cũng được biết cụ T5 đã chuyển nhượng quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Viết T4. Khi chuyển

nhượng hai bên có chỉ ranh giới đất trên thực địa hay không thì ông không biết. Bản thân ông không đi dẫn đạc thửa đất 102 này khi lập bản đồ địa chính hoặc chỉnh lý bản đồ địa chính.

Người làm chứng là ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông sinh sống ở xóm L, xã H từ năm 1993 đến nay. Về 02 vị trí diện tích đất tranh chấp giữa nhà ông T với chị H tại thửa đất số 102 cách ngõ đi vào nhà ông khoảng 20m thì ông được biết nguồn gốc trước kia là của bố mẹ ông T là cụ Phạm Văn T5 khai phá và canh tác, sau này ông thấy ông T canh tác, ngoài ra còn ai canh tác 02 vị trí diện tích đất tranh chấp này hay không thì ông không biết. Ông cũng mượn đất của ông T vài lần để gieo mạ giáp nương nước.

Người làm chứng là ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Ông sinh sống ở xóm L, xã H từ những năm 1990 đến nay và ở gần 02 vị trí diện tích đất tranh chấp giữa nhà ông T với chị H tại thửa đất số 102; Về 02 vị trí diện tích đất tranh chấp giữa nhà ông T với chị H tại thửa đất số 102 thì ông được biết nguồn gốc trước kia là của bố mẹ ông T là cụ Phạm Văn T5 khai phá và canh tác, sau này ông thấy vợ chồng ông T canh tác, ngoài ra không còn ai khác canh tác 02 vị trí diện tích đất tranh chấp này.

Người làm chứng là bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà sinh sống ở xóm N, xã H từ những năm 1987 đến nay và ở gần 02 vị trí diện tích đất tranh chấp giữa nhà ông T với chị H tại thửa đất số 102; Về 02 vị trí diện tích đất tranh chấp giữa nhà ông T với chị H tại thửa đất số 102 thì bà được biết nguồn gốc trước kia là của bố mẹ ông T là cụ Phạm Văn T5 khai phá và canh tác, sau này bà thấy vợ chồng ông T canh tác, ngoài ra không còn ai khác canh tác 02 vị trí diện tích đất tranh chấp này. Sau này bà được biết cụ T5 chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 102 cho ông Bùi Viết T4 và ông T4 lại chuyển nhượng thửa 102 cho chị H thì bà vẫn thấy vợ chồng ông T canh tác 02 vị trí diện tích đất tranh chấp này.

Người làm chứng là ông Phạm Văn T3 trình bày: Ông là anh trai cả của ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị H1 và là bác của chị Dương Thị H; Về nguồn gốc thửa đất số 102 là do bố mẹ ông và ông khai phá từ năm 1968, khi đó các em của ông đều còn nhỏ. Đến năm 1969 ông đi công nhân nên bố mẹ ông canh tác và Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố mẹ ông. Khoảng năm 2005 thì ông nghe người nhà nói lại là bố mẹ chuyển nhượng toàn bộ đất đai cho ông Bùi Viết T4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi chuyển nhượng thì các bên có giao ranh giới đất và giao nhận đất trên thực địa hay không thì ông không biết, không được chứng kiến; Về 02 vị trí diện tích đất tranh chấp giữa nhà ông T với chị H tại thửa 102 thì ông thấy trước kia là bố mẹ ông canh tác, sau này ông đi công nhân và ở cách xa thửa đất nên ông không biết ai canh tác. Bản thân ông không tham gia đi dẫn đạc thửa đất 102 này khi lập bản đồ địa chính hoặc chỉnh lý bản đồ địa chính.

Đối với người làm chứng là ông Bùi Viết T4, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã gửi quyết định ủy thác cho Tòa án nhân dân Thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc

Ninh lấy lời khai của ông Bùi Viết T4. Ngày 09/10/2023 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ nhận được biên bản lấy lời khai của đương sự đề ngày 04/10/2023 do Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh tiến hành với nội dung ông Bùi Viết T4 không hợp tác, từ chối khai báo.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án cùng cơ quan chuyên môn đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với 02 vị trí diện tích đất tranh chấp giữa nhà ông T với chị H tại thửa đất số 102 theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2023/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 157, 165, 227, 229, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, 166, 175 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12, 166, 203 Luật đất đai sửa đổi năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng diện tích 599,1m² đất (theo kết quả đo đạc) tại 02 vị trí diện tích đất tranh chấp giữa ông Phạm Văn T với chị Dương Thị H tại thửa đất số 102 tờ bản đồ số 43 xã H, huyện Đ, tỉnh Thái nguyên.

[2] Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn là ông Phạm Văn T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Nguyên đơn là ông Phạm Văn T đã chi phí xong.

Ngoài ra bản án còn xử lý về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 07/11/2023 ông Phạm Văn T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nêu trên, đề nghị công nhận cho ông T 600 m² đất tại thửa 102, tờ bản đồ số 43 là đất của bố mẹ ông cho ông T đã sử dụng từ 1990 đến nay.

Tại phiên tòa phúc thẩm đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên;

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát:

Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2023/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án Tranh chấp quyền sử dụng đất quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Diện tích thửa đất có tranh chấp thuộc xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Xét nội dung đơn phản tố của chị Dương Thị H nộp ngày 03/7/2023 chỉ là ý kiến quan điểm của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó không có căn cứ để thụ lý yêu cầu này để giải quyết.

Đơn kháng cáo của bị đơn phù hợp quy định tại điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định được nguồn gốc thửa đất số 102 tờ bản đồ số 43 xã H, huyện Đ trong đó có hai vị trí diện tích đất đang có tranh chấp tại thửa 102 này giữa ông Phạm Văn T và chị Dương Thị H là của bố mẹ ông T khai phá từ những năm 1960, sau đó cho ông T canh tác một phần diện tích tại thửa 102 này từ trước năm 1990 cho đến nay, ngoài ra không có ai khác canh tác. Tại vị trí tranh chấp thứ nhất tại thửa 102 tờ bản đồ số 43 xã H ở trên cao đầu tiên gia đình ông T canh tác trồng cây Bạch Đàn, sau này thì trồng cây K. Tại vị trí diện tích đất đang có tranh chấp thứ hai tại thửa 102 tờ bản đồ số 43 xã H giáp nương nước thì nhà ông T canh tác gieo mạ, trồng màu và cỏ voi...

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định được 02 vị trí diện tích đất nhà ông T đang có tranh chấp với chị H nằm trong thửa đất 102 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Dương Thị H có diện tích là 599,1m²; Cụ thể vị trí thứ nhất (vị trí 1) ở trên cao giáp thửa đất số 33 nhà bà H1 có diện tích 394,3m², vị trí 2 ở phía dưới giáp nương nước có diện tích 204,8m². Diện tích 599,1m² đất tranh chấp này hiện không có tài sản gì gắn liền với đất.

Năm 2022 chị Dương Thị H nhận 02 diện tích đất này là của chị H thì ông T xác định bị cấp nhầm vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà chị H và từ năm 2022 chị H đã tranh chấp với gia đình ông T. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận QSD đất của chị H đã cấp vào cả phần diện tích đất của nhà ông đang sử dụng; yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng 599,1m² đất theo kết quả đo đạc đang tranh chấp với chị Dương Thị H tại thửa đất số 102 tờ bản đồ số 43 xã H cho ông T.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng nguồn gốc thửa đất số 102 tờ bản đồ số 43 xã H, huyện Đ trong đó có hai vị trí diện tích đất đang có tranh chấp tại thửa 102 này giữa ông Phạm Văn T và chị Dương Thị H là của bố mẹ ông T khai phá từ những năm 1960, sau đó cho ông T canh tác một phần diện tích tại thửa 102 này từ trước năm 1990 cho đến nay, ngoài ra không có ai khác canh tác. Tuy nhiên

nhà ông T chưa bao giờ kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất này.

Căn cứ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Phạm Văn T5 với vợ chồng ông Bùi Viết T4 và bà Ngô Thị Thanh M đối với thửa đất số 102 tờ bản đồ số 43 xã H, huyện Đ (BL 131-136) thấy rằng năm 2005 ông T5 đã chuyển nhượng toàn bộ đất đai cho ông T4 và bà M trong đó có thửa đất số 102 tờ bản đồ số 43 xã H, diện tích 2382m². Như vậy xác định nguồn gốc thửa 102 là của ông Phạm Văn T5 và ông T5 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003, đến năm 2005 ông T5 đã thực hiện quyền định đoạt của mình là chuyển nhượng cho vợ chồng ông T4, sau đó đến năm 2017 vợ chồng ông T4 lại chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nêu trên cho chị Dương Thị H.

Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã có văn bản số 437/TA-DS ngày 06/7/2023 đề nghị sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T và chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa hộ ông Bùi Viết T4 và bà Ngô Thị Thanh M với chị Dương Thị H, việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2022 và về việc lập bản đồ địa chính đối với thửa đất số 102 tờ bản đồ số 43 xã H, huyện Đ có đúng trình tự, thủ tục, đúng với quy định của pháp luật không?

Tại văn bản số 3431/STNMT- VPĐKKĐĐ ngày 06/9/2023 của sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T đã trả lời “...hồ sơ chuyển nhượng sử dụng đất năm 2017 từ hộ ông Bùi Viết T4 sang cho bà Dương Thị H theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T6, được sửa đổi bổ sung bởi khoản 2, Điều 2 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ T6.

Về hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất của bà Dương Thị H theo quy định tại khoản 1, Điều 10 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T6.

Về thẩm quyền chỉnh lý và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT của Bộ T6 và theo quy định tại khoản 3, Điều 105 Luật đất đai; khoản 1 Điều 37 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Về việc lập bản đồ địa chính và chỉnh lý bản đồ địa chính đối với thửa đất số 102 tờ bản đồ số 43 xã H, huyện Đ, chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ trả lời: “Việc lập bản đồ địa chính và chỉnh lý bản đồ địa chính đối với thửa đất số 102 tờ bản đồ số 43 xã H, huyện Đ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ĐĐ 364171, do sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 12/01/2022 cho bà Dương Thị H theo đúng quy định của pháp luật”.

Như vậy, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa hộ ông Bùi Viết T4 và bà Ngô Thị Thanh M với chị Dương Thị H, việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2022 và về việc lập bản đồ địa chính đối với thửa đất số 102 tờ bản đồ số 43 xã H, huyện Đ đúng trình tự, thủ tục, đúng với quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng diện tích 599,1m² đất (theo kết quả đo đạc) đang tranh chấp với chị Dương Thị H tại thửa đất số 102 tờ bản đồ số 43 xã H cho nhà ông T là không có căn cứ chấp nhận.

Ngoài ra, các bên đương sự không có yêu cầu giải quyết nào khác.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí DSST nộp ngân sách Nhà nước và chịu chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm về hướng giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 147; Điều 148; khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, Điều 157, 165, 227, 229, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, 166, 175 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12, 166, 203 Luật đất đai sửa đổi năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2023/DS-ST ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Án phí: Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000 đ án phí dân sự phúc thẩm sung ngân sách Nhà nước, được chuyển từ biên lai thu tạm ứng án phí số 0007020 ngày 10/11/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ sang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- Tòa án ND huyện Đồng Hỷ;
- THADS huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Quý My

